

PHỤ LỤC VI

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI (NEU CO) NAM 2020

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

BIỂU MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

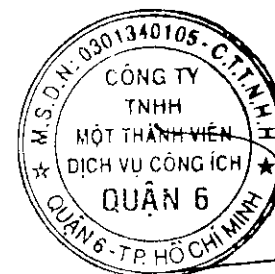
TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm :					
a	Vệ sinh môi trường (m ²)					
	Ca ngày					
	Quét đường, hè, cầu	m ²	16.186.764,50	16.186.764,50	100,00%	
	Ca nhặt rác	Khoán	365,00	365,00	100,00%	
	Thu gom vệ sinh TRCC	đồng/ thùng/ ngày	39.653,00	39.653,00	100,00%	
	Dọn dẹp vệ sinh	Khoán	365,00	365,00	100,00%	
	Ca đêm					
	Quét đường, hè, cầu	m ²	235.145.329,700	235.145.329,700	100,00%	
	Quét dây phân cách	Km	4.763,250	4.763,250	100,00%	
b	Duy tu					
	Thông lòng cống	m	59.952,200	59.952,200	100,00%	
	Vét hầm ga	hầm	4.725,000	4.725,000	100,00%	
	Nạo vét lòng cống tròn và hầm ga bằng thủ công, ĐK cống D=300mm	100 md	40,450	40,450	100,00%	

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
	Nạo vét lòng cống tròn và hầm ga bằng thủ công, ĐK cống D=400mm	100 md	713,780	713,780	100,00%	
	Nạo vét lòng cống tròn và hầm ga bằng thủ công, ĐK cống D=600mm	100 md	66,379	66,379	100,00%	
	Nạo vét lòng cống tròn và hầm ga bằng thủ công, ĐK cống D=800mm	100 md	50,303	50,303	100,00%	
	Nạo vét lòng cống tròn và hầm ga bằng thủ công, ĐK cống D=1.000mm	100 md	18,757	18,757	100,00%	
	Nạo vét lòng cống tròn và hầm ga bằng thủ công, ĐK cống D=1.500mm	100 md	2,561	2,561	100,00%	
	Nạo vét lòng cống vòm -hộp và hầm ga, máng bằng thủ công, bề rộng đáy cống D=1.000mm	100 md	4,527	4,527	100,00%	
	Nạo vét bùn mương bằng thủ công (<i>Đvt: m3</i>)	m ³	4,667	4,667	100,00%	
c	Cây xanh hoa viên	m ² /ngày	10.863.560,61	10.863.560,61	100,00%	
	Tưới nước thâm cò, bằng nước máy tưới thủ công (140 lần/năm)	100m2/ lần	46.611,3586	46.611,3586	100,00%	
	Bón phân thâm cò - phân vô cơ (6 lần/năm)	100m2/ lần	1.996,4537	1.996,4537	100,00%	
	Làm cò tấp (12 lần/năm)	100m2/ lần	3.992,9073	3.992,9073	100,00%	
	Trồng dặm cỏ lá gừng	1m2/ lần	30.201,8506	30.201,8506	100,00%	
	Trồng dặm cỏ nhung	1m2/ lần	556,9958	556,9958	100,00%	
	Phòng trừ sùng cò (6 lần/năm)	100m2/ lần	1.996,4537	1.996,4537	100,00%	
	Chăm sóc bồn kiếng	100m2/ năm	12,1073	12,1073	100,00%	
	Chăm sóc cây kiếng trở hoa	100 cây/ năm	2,7767	2,7767	100,00%	
	Chăm sóc cây kiếng tạo hình	100 cây/ năm	1,3183	1,3183	100,00%	
	Chăm sóc cây kiếng trồng chậu	100 chậu/ năm	0,1750	0,1750	100,00%	
	Chăm sóc cây hàng rào	100m2/ năm	8,3592	8,3592	100,00%	
	Xén lẹ cỏ lá gừng (12 lần/năm)	100md/ lần	868,6650	868,6650	100,00%	
	Chăm sóc bảo quản cây xanh loại 1 - cây xanh không có bồn	1 cây/ năm	472,0000	472,0000	100,00%	
	Chăm sóc bảo quản cây xanh loại 2 - cây xanh không có bồn	1 cây/ năm	-	0,0000		
	Chăm sóc bảo quản cây xanh loại 3 - cây xanh không có bồn	1 cây/ năm	0,5833	0,5833	100,00%	

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
	Trồng cây kiềng tạo hình, kiềng trở hoa, kích thước 15x15 (4 lần/năm)	1 cây	2.240,0000	2.240,0000	100,00%	
	Quét rác trong công viên, mảng xanh (thảm cỏ) (12 lần/năm)	1.000m2/ lần	499,6056	499,6056	100,00%	
	Quét rác trong công viên, mảng xanh (đường gạch) (182 lần/năm)	1.000m2/ lần	1.751,2056	1.751,2056	100,00%	
<i>d</i>	Thu tiền thuê nhà	<i>triệu đồng</i>	13.000	15.079,00	115,99%	86,05%
2	Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu					
3	Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu					
4	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm		87.473	95.016	108,62%	112,13%
5	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm		99.800	109.257	109,48%	113,25%

TP.HCM ngày 06 tháng 4 năm 2021

Giám đốc *Phạm Đức Thịnh*



Phạm Đức Thịnh